

**BÁO CÁO THUYẾT MINH**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022**

**I. Thu ngân sách: (Biểu số 114/CKTC-NSNN)**

**1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế năm 2022 là 13.548.671.984 đồng, đạt 166.48% dự toán, so cùng kỳ<sup>1</sup> giảm 25.78 %, cụ thể như sau:

*Có 7/10 khoản thu đạt dự kiến, vượt dự toán gồm:*

- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác: 33.000.000 đồng, đạt 110% dự toán.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 633.779.936 đồng, đạt 126.76% dự toán.

- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân và hộ kinh doanh: 245.547.776 đồng, đạt 106.76% dự toán.

- Lệ phí trước bạ nhà đất: 2.349.442.400 đồng, đạt 192.26% dự toán.

- Thuế giá trị gia tăng: 6.202.727.282 đồng, đạt 207.91% dự toán.

- Thu khác: 721.938.000 đồng, đạt 120.32% dự toán.

*Bên cạnh đó còn 3/10 khoản thu dưới 100% dự toán:*

- Thuế GTGT.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế tài nguyên

**2. Thu cân đối ngân sách địa phương:**

Tổng thu ngân sách địa phương: 13.548.671.984 đồng đạt 178.67,24% dự toán, trong đó:

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết: 944.938.000 đồng đạt 429.52% dự toán so với cùng kỳ<sup>2</sup> tăng 294.76%.

- Thu từ kết dư: 99.576.988 đồng.

- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước: 1.226.486.832 đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 3.901.372.000 đồng.

**II. Chi ngân sách: (Biểu số 115/CKTC-NSNN)**

Các nhiệm vụ chi ngân sách được thực hiện theo dự toán được giao, đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, thực

1 Tổng thu NSNN trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế đến 31/12/ 2021: 26.483.196.667 đồng.

2 Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết lũy kế đến 31/12/ 2021: 5.186.472.770 đồng.

hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi cần thiết khác.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022: 9.179.196.003 đồng, đạt 120.86% dự toán, so cùng kỳ<sup>3</sup> giảm 50.71, cụ thể:

1. Chi đầu tư phát triển: không có
2. Chi thường xuyên: 9.179.196.003 đồng.

Ngoài dự toán được phân bổ đầu năm UBND xã đã kịp thời trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách để đảm bảo nguồn lực chi thanh toán cho một số nhiệm vụ dự toán đầu năm chưa bố trí; nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên đảm bảo các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán đầu năm như: kinh phí thực hiện Kế hoạch phục vụ Tết Nguyên đán Nhâm Dần; kinh phí thực hiện chi tổ chức đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025 và phân bổ kết dư ngân sách. Vì vậy năm 2022 có 2 khoản chi vượt 100% so với dự toán như:

- Chi cho công tác xã hội: 1.910.740.000 đồng, đạt 868.52% dự toán (Chi hỗ trợ người dân gặp ảnh hưởng do dịch covid-19,).
- Chi khác ngân sách: 119.349.560 đồng đạt 322.57% dự toán.

Bên cạnh đó dự toán chi các ngành còn thấp hơn dự toán, do các nguyên nhân: thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn CCTL, tiết kiệm từ người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc....

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Trường Tây

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH Thị xã Hòa Thành;
- Đảng ủy-HĐND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT, TC-KT.

**CHỦ TỊCH**



*Coanh*  
**Phạm Hồng Oanh**

<sup>3</sup> Tổng chi ngân sách địa phương đến 31/12/ 2021: 15.147.760.390 đồng.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TRƯỜNG TÂY**

Biểu số 103/CK-TC-NSNN

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

*(Dự toán trình kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân xã Trường Tây NK 2021-2026)*

Đơn vị tính: 1 000 đồng

<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>7 843 000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>7 843 000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng	<b>507 000</b>	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	<b>6 134 000</b>	II. Chi thường xuyên	<b>7 688 000</b>
III. Thu bổ sung	<b>1 202 000</b>	III. Dự phòng	<b>155 000</b>
- Bổ sung cân đối	<b>1 172 000</b>		
- Bổ sung có mục tiêu	<b>30 000</b>		
IV. Thu chuyển nguồn			





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TRƯỜNG TÂY**



**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

(Dự toán trình kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân xã Trường Tây NK 2021-2026)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh %	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>31.424</b>	<b>13.549</b>	<b>19.520</b>	<b>7.955</b>	<b>62,12</b>	<b>58,71</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>31.424</b>	<b>13.549</b>	<b>19.520</b>	<b>7.955</b>	<b>62,12</b>	<b>58,71</b>
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	11.174	2.720	8.450	2.445	75,62	89,89
-	Thuế giá trị gia tăng	7.692	2.390	6.820	2.260	88,66	94,56
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.110	318	1.230	185	58,29	58,18
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước	12	12			0,00	0,00
-	Thuế tài nguyên	1.360		400		29,41	
-	Thuế môn bài	246	119	112	112	45,53	94,12
-	Thu tiền sử dụng đất	351		112	112	31,91	#DIV/0!
-	Thu khác	231	17				
2	Thuế thu nhập cá nhân	10.250	1.538	7.955	1.193	77,61	77,57
3	Lệ phí trước bạ	2.349	2.349	1.664	1.664	70,84	70,84
4	Thu tiền thuê mặt đất	17					
5	Thu phí, lệ phí	190	190	83	83	43,68	43,68
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	634	634	720	720	113,56	113,56
7	Thu khác ngân sách	722	722	400	400	55,40	55,40
8	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	33	33	24	24	72,73	72,73
9	Thu kết dư	100	100				
10	Thu chuyển nguồn	1.226	1.226				
11	Thu BS từ ngân sách cấp trên	3.901	3.901		1.202		30,81
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>						



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TRƯỜNG TÂY**



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

(Dự toán trình kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân xã Trường Tây NK 2021-2026)

Đơn vị tính: 1 000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>									
	<b>Trong đó</b>	<b>7 595 000</b>		<b>7 595 000</b>	<b>7 843 000</b>		<b>7 843 000</b>	103,27		103,27
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa thông tin, truyền thanh	326 000		326 000	377 000		377 000	115,64		115,64
5	Chi thể dục thể thao	27 000		27 000	34 000		34 000	125,93		125,93
6	Chi bảo vệ môi trường	50 000		50 000	50 000		50 000	100,00		100,00
7	Chi các hoạt động kinh tế	100 000		100 000	200 000		200 000	200,00		200,00
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6 690 000		6 690 000	6 738 000		6 738 000	100,72		100,72
9	Chi cho công tác xã hội	210 000		210 000	250 000		250 000	119,05		119,05
10	Chi khác	37 000		37 000	39 000		39 000	105,41		105,41
11	Dự phòng ngân sách	155 000		155 000	155 000		155 000	100,00		100,00

